

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 10-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
- Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 428/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2000 tại tỉnh Bạc Liêu; thường trú: Ấp T, xã H. Huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Số E khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Lê Thị B, sinh năm 1984; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 2005; có vợ tên là Nguyễn Tường V, sinh năm 1999 (đã ly hôn); có 01 con ruột, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/12/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2023/HS-ST (chưa có hiệu lực pháp luật); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2023; có mặt.

2. Trần K, sinh năm 1997 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Số A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Chiêm Thị Thu T1, sinh năm 1977; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1995; có vợ tên là Quân Thị Thu H, sinh năm 1995; có 01 con ruột, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2023; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh **Hồ Hữu Đ1**, sinh năm 1988; thường trú: **Ấp I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số B, đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.**

2. Ông **Nguyễn Q**, sinh năm 1984; thường trú: **Số C, đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Số E khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.**

2. Bà **Huỳnh Thị H1**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Số A, đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.**

3. Ông **Huỳnh Ngọc T2**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.**

4. Bà **Trần Chiêm Khả M**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Số B khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.**

* *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Anh **Vũ Văn T3**, sinh năm 1986 và anh **Huỳnh Văn H2**, sinh năm 1968; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 05/8/2023, **Nguyễn Văn Đ** đi ngang dãy nhà trọ số 200, **đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương** thì nhìn thấy 01 phòng trọ ở tầng trệt mở cửa, có ánh đèn chiếu ra ngoài hành lang, hai bên hành lang có nhiều xe mô tô, cổng dãy trọ không khóa nên **Đ** đi vào tìm tài sản để trộm cắp.

Lúc này, **Đ** đi bộ đến trước phòng trọ của ông **Hồ Hữu Đ1** thì thấy cửa chỉ khép không khóa, **Đ** mở cửa đi vào bên trong thì thấy anh **Đ1** đang nằm ngủ trên nền gạch, **Đ** thấy có 01 cái ví màu xám đen để bên cạnh anh **Đ1**, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57 màu đen, bị vỡ màn hình đang cắm sạc pin. **Đ** lén lút lấy trộm cái bóp và điện thoại di động Oppo A57 cho vào hai bên túi quần đang mặc rồi đi ra. Khi đi ra ngoài hành lang, **Đ** nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô, kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 65P7-3959, không khóa cổ xe, ổ khóa bị hư đang ở chế độ mở, **Đ** đẩy chiếc xe ra ngoài hành lang dãy trọ rồi đạp nổ máy xe chạy đi. Sau khi đi được khoảng 200m, **Đ** dừng lại kiểm tra ví da vừa lấy trộm được thì phát hiện trong ví có 700.000 đồng tiền mặt; 01 phiếu cầm vàng đề ngày 22/7/2023 và 01 phiếu cầm vàng đề ngày 04/08/2023 cùng là nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, mỗi phiếu đã cầm 6.000.000 đồng, trên giấy có đề người cầm cổ tên **Đ1**, phiếu cầm đồ của tiệm vàng “Hoàng Quân”, địa chỉ **số C, đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. **Đ** lấy tiền và 02 giấy cầm đồ cất vào túi, còn vứt cái ví da ven đường. **Đ** đã tiêu xài hết 700.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, **Đ** điều khiển chiếc xe mô tô trộm được đi đến đoạn **đường M - T** thuộc khu vực **phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương** gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) bán xe được 400.000 đồng. Sau đó, **Đ** đón xe

mô tô chở khách (xe công nghệ G) về đoạn đường ĐT743 gần vòng xoay A thì thấy có 01 tiệm điện thoại (không rõ tên), Đ nói tài xế dừng xe từ xa rồi đi bộ đến tiệm, khi tới gần tiệm điện thoại Đ thấy 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) đứng ngoài đường. Đ bán chiếc điện thoại vừa trộm được cho người đàn ông này được 300.000 đồng.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, Đ đến phòng trọ của Trần K tại số B, đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, Đ kể cho K biết việc vừa lấy trộm được 01 cái ví bên trong có giấy cầm vàng. Lúc này, Đ và K cùng bàn bạc với nhau đi đến tiệm vàng “H”, lấy giấy cầm vàng của người tên Đ1 này để K giả làm người tên Đ1 lừa chủ tiệm cầm đồ lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 59X2-32428 chở K ngồi phía sau đi đến tiệm V1”. Khi đến nơi, Đ đứng ngoài trông xe, còn K mang 02 giấy cầm đồ đi vào tiệm vàng để cầm thêm tiền. Khi vào tiệm V1”, K gặp anh Vũ Xuân T4 là nhân viên tiệm vàng. Kháng đưa 01 giấy cầm đồ ghi ngày 04/8/2023 và nói cho cầm thêm 15.000.000 đồng, anh T4 kiểm tra giấy cầm đồ, tưởng K là người tên Đ1 trong phiếu cầm đồ nên đồng ý cầm thêm tiền cho K, anh T4 đưa cho K 5.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 10.000.000 đồng vào số tài khoản 19051997798386 ngân hàng MB của K. Sau khi lấy được tiền K quay lại chỗ Đ đang đứng đợi, Đ chở K về lại phòng trọ của K. Tại đây, Đ và K chia tiền thì mỗi người được 2.500.000 đồng và K dùng số tài khoản 108877934534 ngân hàng V2 của K chuyển khoản đến số tài khoản 0281000644032 ngân hàng V3 của Đ số tiền 6.000.000 đồng, K giữ lại 4.000.000 đồng và giữ luôn 02 cái biên nhận cầm đồ trên. Đ và K ở phòng trọ của K và tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ đang ngủ trên gác, K khóa cửa phòng lại rồi đi ra gặp anh Huỳnh Văn H2 đang nằm võng trước phòng trọ của K (anh H2 là người ở cùng dãy trọ với K), K nhờ anh H2 chở đến tiệm V1” để cầm đồ thì anh H2 đồng ý. Khi đến gần tiệm V4 đưa giấy cầm đồ ghi ngày 04/8/2023 cho anh H2 nhờ anh H2 vào bán chiếc nhẫn, anh H2 chạy xe vào tiệm gặp nhân viên để hỏi bán chiếc nhẫn đó. Khoảng 30 phút sau, công an đến tiệm vàng mời anh H2 và K về trụ sở làm việc. Tại đây, K đầu thú và khai nhận bộ hành vi phạm tội. Sau đó, Đ cũng đến công an phường A đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Công an phường A lập biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú đối với Đ và K, sau đó chuyển giao toàn bộ hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xử lý theo thẩm quyền.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 59X2-324.28, số khung: RMTWCH1HY5B000433, số máy: VMT1P52FMHA005333, 01 (một) biên nhận cầm đồ của tiệm V1 ngày 22/7/2023, 01 (một) biên nhận cầm đồ của tiệm V1 ngày 04/8/2023, 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11Pro, màu đen, sim số 0981.312.377 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2029, màu xanh, sim số 0896.323.712.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 148/BBĐG-HĐĐGTS ngày 15/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố D, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Savant, loại xe nữ (kiểu dáng

Wave), màu sơn: Xanh, số khung: HSUM5X009106, số máy: 52FMH7009106, biển số 65P7-3959 (đăng ký lần đầu tháng 12/2006) trị giá 1.400.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57, màu đen (đã qua sử dụng) trị giá 1.300.000 đồng.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 227/BBĐG-HĐĐGTS ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố D kết luận: 01 (một) nhẫn vàng loại 24K, 05 chỉ, trị giá 28.025.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận định giá số: 148/BBĐG-HĐĐGTS ngày 15/8/2023 và Kết luận định giá tài sản số: 227/BBĐG-HĐĐGTS ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đối với hành vi của anh Huỳnh Văn H2 chở K đi bán vàng nhưng anh H2 không biết việc K đã và đang thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố D không điều tra xử lý đối với anh Huỳnh Văn H2.

Đối với người đàn ông mua điện thoại và xe mô tô do Nguyễn Văn Đ trộm cắp mà có, hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương tiếp điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 433/CT-VKS-DA ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố Trần K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; truy tố Trần K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo từ 09 tháng 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh từ 01 năm 09 tháng 12 tháng đến 02 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Trần K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11Pro, màu đen, thu giữ của Trần K và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2029, màu xanh,

thu giữ của Nguyễn Văn Đ là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với các sim số 0981.312.377 thu giữ của Trần K và sim số 0896.323.712 thu giữ của Nguyễn Văn Đ là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, số khung: RMTWCH1HY5B000433, số máy: VMT1P52FMHA005333; qua điều tra xác định người đăng ký sở hữu là chị Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 1969; thường trú: Số A, ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc, chị T2 khai nhận đã bán xe trên từ năm 2007 cho một người không rõ nhân thân lai lịch, không có làm hợp đồng mua bán. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu theo quy định nhưng đến nay không có ai đến nhận nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với biển số 59X2-324.28, qua điều tra xác định người đăng ký sở hữu là chị Huỳnh Thị H1, sinh năm 1982; thường trú: Số A, đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc, chị H1 đã bán xe có gắn biển số trên từ năm 2020 cho một người không rõ nhân thân lai lịch, không có làm hợp đồng mua bán. Đối với biển số 59X2-324.28 không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Lê Thị B, là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Hồ Hữu Đ1 số tiền 2.000.000 đồng, bị hại Đ1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét đối với yêu cầu của bị hại Đ1.

- Bị hại Nguyễn Q yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 15.000.000 đồng. Chị Trần Chiêm Khả M, là chị ruột của bị cáo Trần K đã bồi thường cho bị hại Q 6.500.000 đồng, bị hại Q nhận đủ số tiền và không yêu cầu bị cáo K bồi thường gì thêm. Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị hại Q yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại là 8.500.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Đ đồng ý bồi thường cho bị hại Q số tiền nêu trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự đồng thời các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến

hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định:

- Khoảng 03 giờ ngày 05/8/2023 tại địa chỉ số B đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Văn Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Savant, loại xe nữ (kiểu dáng Wave), biển số 65P7-3959 có trị giá 1.400.000 đồng, 01 (một) điện thoại Oppo A57 màu đen có trị giá 1.300.000 đồng và số tiền 700.000 đồng của anh Hồ Hữu Đ1.

- Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 05/8/2023 tại tiệm VI", tại số C đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Văn Đ và Trần K có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của bị hại Nguyễn Q. Ngoài ra, khoảng 16 giờ ngày 05/8/2023 tại vàng "H", Trần K tiếp tục có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 7.025.000 đồng của bị hại Nguyễn Q thì bị phát hiện.

[3] Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Văn Đ lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Hồ Hữu Đ1 có tổng giá trị 3.400.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần K dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Quân số tiền 15.000.000 đồng, ngoài ra bản thân bị cáo Trần K còn dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Quân số tiền 7.025.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 433/CT - VKS-DA ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; truy tố Trần K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi lén lút và lừa dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà các bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có tính chất đồng phạm nhưng là gián đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Trần K** phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tác động gia đình bồi thường cho các bị hại; sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị hại **Nguyễn Q** có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **K**. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về nhân thân: Bị cáo **Trần K** là người chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, ngoài lần thực hiện hành vi tội phạm này thì bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời bị cáo **Đ** cùng lúc phạm 02 tội, bị cáo **K** phạm tội 02 lần trở lên, hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” và khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11Pro, màu đen, thu giữ của **Trần K** và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2029, màu xanh, thu giữ của **Nguyễn Văn Đ** là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu vào Ngân sách Nhà nước.

- Xét các sim số 0981.312.377 thu giữ của **Trần K** và sim số 0896.323.712 thu giữ của **Nguyễn Văn Đ** là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, số khung: RMTWCH1HY5B000433, số máy: VMT1P52FMHA005333; qua điều tra xác định người đăng ký sở hữu là chị **Huỳnh Ngọc T2**, sinh năm 1969; thường trú: **Số A, ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Qua làm việc, chị **T2** khai nhận đã bán xe trên từ năm 2007 cho một người không rõ nhân thân lai lịch, không có làm hợp đồng mua bán. Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố D** đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu theo quy định nhưng đến nay không có ai đến nhận nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với biển số 59X2-324.28, qua điều tra xác định người đăng ký sở hữu là chị **Huỳnh Thị H1**, sinh năm 1982; thường trú: **Số A, đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Qua làm việc, chị **H1** đã bán xe có gắn biển số trên từ năm 2020 cho một người không rõ nhân thân lai lịch, không có làm hợp đồng mua bán. Đối với biển số 59X2-324.28 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà **Lê Thị B**, là mẹ ruột của bị cáo **Nguyễn Văn Đ** đã tự nguyện bồi thường cho bị hại **Hồ Hữu Đ1** số tiền 2.000.000 đồng, bị hại **Đ1** không yêu cầu bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét đối với yêu cầu của bị hại **Đ1**.

- Bị hại **Nguyễn Q** yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 15.000.000 đồng. Chị **Trần Chiêm Khả M**, là chị ruột của bị cáo **Trần K** đã bồi thường cho bị hại **Q** 6.500.000 đồng, bị hại **Q** nhận đủ số tiền và không yêu cầu bị cáo **K** bồi thường gì thêm. Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị hại **Nguyễn Q** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn Đ** bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại là 8.500.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo **Đ** đồng ý bồi thường cho bị hại **Q** số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, **Trần K** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo **Trần K** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1.1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2023.

1. 2 Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần K** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019-NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** bồi thường cho bị hại **Nguyễn Q** 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11Pro, màu đen, 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2029, màu xanh và 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave; màu sơn: xanh; số loại: MD110; dung tích xi lanh: 108; số khung: RMTWCH1HY5B000433, số máy: VMT1P52FMHA005333.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số 0981.312.377, 0896.323.712 và biển số 59X2-324.28.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố D** với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** và **Trần K**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải nộp 425.000 (bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA